

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2020/DS-ST

Ngày: 23-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Bình Hòa;
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 256/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXXST-DS ngày 10/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-DS ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã M, huyện B, tỉnh Hà Nam; địa chỉ liên lạc: Số M đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Huyền T, sinh năm: 1995; địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số S, đường ĐX A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã M, huyện B, tỉnh Hà Nam; địa chỉ liên lạc: Số M đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 25/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đoàn Thị Huyền T trình bày như sau:

Ông Nguyễn Ngọc T là người chuyên kinh doanh sắt thép tại khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, còn ông Huỳnh Văn B là khách hàng thường xuyên của ông T. Việc mua bán sắt giữa ông T và ông B diễn ra từ năm 2017, thời gian đầu mua hàng, ông B thanh toán đầy đủ và đúng hạn. Tuy nhiên, từ khoảng thời gian đầu năm 2019, ông B thường xuyên lấy hàng nhưng chậm thanh toán. Tổng số hàng ông B còn nợ đến tháng 7/2019 là 169.025.000 đồng. Sau đó, giữa hai bên có thỏa thuận là ông B vay lại số tiền mà ông B còn nợ trong việc mua bán. Ngày 18/7/2019, giữa hai bên có viết giấy vay tiền với nội dung Bên A là ông Nguyễn Ngọc T cho bên B là ông Huỳnh Văn B vay với số tiền 169.025.000 đồng, mức lãi suất 1,5%/tháng. Thời điểm thanh toán lãi ngày 18 dương lịch hàng tháng. Thời điểm thanh toán gốc ngày 01/02/2020. Ông T đã yêu cầu ông B nhiều lần thanh toán tiền gốc và lãi nhưng ông B không thực hiện.

Ngoài ra, sau sự việc cam kết thanh toán công nợ vào ngày 18/7/2019, ông B còn tiếp tục lấy sắt thép của ông T với số tiền 29.955.000 đồng từ ngày 06/8/2019 đến ngày 28/9/2019.

Nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 224.333.750 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng), trong đó: Số tiền gốc 198.980.000 đồng, số tiền lãi yêu cầu kể từ ngày chốt số nợ (ngày 18/7/2019) cho đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày (25/5/2020): $169.025.000 \times 1,5\% / \text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 25.353.750$ đồng.

Ngày 23/7/2020, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mua bán sắt thép 29.955.000 đồng. Yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay 169.025.000 đồng và tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính là 25.353.750 đồng.

2. Bị đơn ông Huỳnh Văn B:

Đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện, cũng như đến tham gia các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án, nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Ông B cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Ngọc T, số tiền ông B mua hàng (sắt, thép) còn nợ vợ chồng bà số tiền 29.955.000 đồng (từ ngày 06/8/2020 đến ngày 28/9/2019), mọi việc mua bán là ông T thực hiện, bà chỉ là người viết giấy biên nhận tiền, ông T có toàn quyền quyết định mọi vấn đề, ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

** Tại phiên tòa:*

Người đại diện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thì nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Đồng thời, đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã tự nguyện rút yêu cầu trong quá trình tố tụng với số tiền mua bán sắt thép là 29.955.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo Đơn khởi kiện ngày 28/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu ông Huỳnh Văn B thanh toán số tiền vay gồm tiền gốc và tiền lãi 224.333.750 đồng, trong đó: Số tiền gốc là 198.980.000 đồng và tiền lãi là 25.353.750 đồng. Giữa hai bên có thiết lập hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, số tiền nợ trên xuất phát từ quan hệ mua bán sắt thép, do ông B chưa thanh toán cho ông T. Quá trình tố tụng, Tòa án xác định quan hệ “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là chưa phù hợp, nên HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Huỳnh Văn B có nơi cư trú tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Huỳnh Văn B nhưng ông B vẫn vắng mặt tại phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa ông T và ông B có xác lập quan hệ mua bán sắt thép với nhau. Tuy nhiên, từ đầu năm 2019 ông B không thanh toán số tiền mua bán sắt thép cho ông T. Ngày 18/7/2019 giữa hai bên có xác định lại số tiền, phía ông B xác nhận còn nợ ông T số tiền 169.025.000 đồng từ việc mua bán sắt thép. Do phía ông B không thanh toán cho ông T số tiền này, nên ông T khởi kiện yêu cầu ông B phải thanh toán số tiền này là phù hợp với quy định tại Điều 430 và khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp số tiền mua bán sắt thép 29.955.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên được HĐXX chấp nhận. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp đối với số tiền 29.955.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn, HĐXX nhận thấy: Từ ngày 18/7/2019, bị đơn phát sinh trách nhiệm thanh toán số tiền 169.025.000 đồng còn nợ từ việc mua bán sắt thép cho nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ gốc này là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 357 và khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì mức lãi trên số tiền chậm trả là 10% năm (tương đương 0,83%/tháng).

Do đó, việc tính lãi được xác định như sau: Ngày 18/7/2019 đến ngày 23/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm), tổng cộng là 01 năm 02 tháng 05 ngày. Như vậy, số tiền lãi là: 169.025.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 năm 02 tháng 05 ngày = 19.870.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn được tính như sau: 169.025.000 đồng tiền gốc + 19.870.000 đồng tiền lãi = 188.895.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn ông Huỳnh Văn B về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán”.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T được chấp nhận, nên bị đơn ông Huỳnh Văn B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều: 430, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T với bị đơn ông Huỳnh Văn B về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán” về số tiền 29.955.000 đồng.

II. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn ông Huỳnh Văn B về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn B có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T số tiền 188.895.000 đồng (trong đó: Tiền gốc là 169.025.000 đồng và tiền lãi là 19.870.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Huỳnh Văn B phải chịu 9.444.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.608.000 đồng theo Biên lai số 0050004 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Ngọc Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp.TDM;
- Chi cục THADS Tp.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp.TDM;
- Chi cục THADS Tp.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Hương